

BỘ QUỐC PHÒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1223 /BC-BQP

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2023

BÁO CÁO

Rà soát các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến dự án
Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

Kính gửi: Chính phủ.

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, được sửa đổi, bổ sung một số điều năm 2020 (Luật Ban hành văn bản QPPL); Nghị quyết số 50/2022/QH15 ngày 13/6/2022 của Quốc hội khóa XV về Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2023, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2022; Bộ Quốc phòng triển khai thực hiện rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật trên và báo cáo kết quả rà soát như sau:

I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

1. Cơ sở pháp lý của việc rà soát

Theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Luật Ban hành văn bản QPPL, một trong các hồ sơ của dự án Luật trình Bộ Tư pháp thẩm định dự thảo văn bản QPPL là “Báo cáo về rà soát các văn bản QPPL có liên quan đến dự án, dự thảo”. Việc rà soát các quy định pháp luật được quy định cụ thể tại khoản 5 Điều 2, khoản 1 Điều 144, Điều 145 đến Điều 154 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản QPPL, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ.

2. Mục đích rà soát

- Đánh giá, xác định tính đầy đủ, đồng bộ, thống nhất và phù hợp, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của các quy định pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, quy định pháp luật có liên quan thông qua tổng hợp, phân tích, đối chiếu, đánh giá tổng thể các quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

- Hỗ trợ việc xác định phạm vi điều chỉnh, nội dung của dự án Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trong mối tương quan với các luật có liên quan; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của dự thảo luật so với các văn bản QPPL có liên quan trong hệ thống pháp luật.

3. Phạm vi rà soát

Phạm vi rà soát pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự là các văn bản QPPL do các cơ quan trung ương ban hành đang còn hiệu lực có liên quan đến dự án Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, bao gồm 71 văn bản QPPL liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự đang có hiệu lực thi hành (*thể hiện tại Phụ lục 1*).

4. Phương pháp rà soát

4.1. Phương pháp lựa chọn

Hệ thống pháp luật liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự tương đối nhiều và quy định rải rác trong nhiều văn bản QPPL khác nhau. Do vậy, việc rà soát tập trung vào các quy định qua tổng kết thi hành có vướng mắc, khó khăn, bất cập; những quy định chưa đảm bảo tính phù hợp, đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật và các vấn đề chưa được pháp luật điều chỉnh cụ thể để từ đó xác định cơ sở cho việc xây dựng dự thảo Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

4.2. Phương pháp phân tích, so sánh

Trên cơ sở hệ thống hóa các quy định pháp luật hiện hành, hoạt động phân tích nội dung quy định hiện hành đã được thực hiện; đồng thời với việc so sánh với các quy định của Hiến pháp và các luật có liên quan, qua đó xác định tính hợp lý của các quy định trong pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự hiện nay và đề xuất phương án xử lý.

5. Quá trình triển khai hoạt động rà soát

Hoạt động rà soát đã được thực hiện như sau:

- Triển khai Kế hoạch xây dựng dự án Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự đã đề ra, tiến hành rà soát hệ thống các văn bản QPPL để xác định văn bản, quy định có liên quan đến dự án Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

- Hoàn thiện danh mục các văn bản, các quy định có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, làm cơ sở phục vụ xây dựng Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

- Xem xét, đối chiếu, đánh giá phạm vi điều chỉnh, nội dung, quy định của các văn bản QPPL hiện hành với dự án Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

6. Kết quả chung

6.1. Về hệ thống văn bản QPPL được rà soát

Kết quả rà soát cho thấy có 71 văn bản QPPL có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, bao gồm:

- Hiến pháp: 01 văn bản.
- Bộ luật, luật, pháp lệnh: 49 văn bản.
- Nghị định của Chính phủ: 14 văn bản.
- Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: 04 văn bản.
- Thông tư liên tịch: 02 văn bản.
- Thông tư của Bộ Thông tin và Truyền thông: 01 văn bản.

Ngoài ra, có một số điều ước quốc tế liên quan như: Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 (công ước ICCPR); Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa năm 1966 (ICESCR). Các điều ước quốc tế về thương mại, đầu tư như: Các Hiệp định trong khuôn khổ WTO; Hiệp định đối tác toàn diện và tiên bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA), Hiệp định thương mại tự do (FTA)...

Về tổng thể, kết quả rà soát hệ thống văn bản QPPL hiện hành cho thấy, quy định pháp luật có liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự rất đa dạng, được đề cập tại nhiều cấp độ văn bản (luật, pháp lệnh, nghị định) trong nhiều lĩnh vực khác nhau, bước đầu có thể phân loại theo các nhóm văn bản như sau:

(1) Các quy định trực tiếp về hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự: được ghi nhận tại Pháp lệnh bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành năm 1994 (sau đây viết gọn là Pháp lệnh 32) bao gồm các nội dung cơ bản, mang tính nguyên tắc như khái niệm, nhiệm vụ, lực lượng quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Trên cơ sở đó, ngày 16/01/1995, Chính phủ ban hành Quy chế bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự kèm theo Nghị định số 04-CP quy định phân loại công trình quốc phòng và khu quân sự, nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân các cấp và các bộ, ngành; tổ chức bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự (sau đây viết gọn là Nghị định số 04-CP). Chính phủ còn ban hành các nghị định có quy định trực tiếp về hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự gồm: Nghị định số 148/2006/NĐ-CP ngày 04/12/2006 của Chính phủ về việc quy hoạch, xây dựng, quản lý và bảo vệ Vành đai an toàn các kho đạn dược, vật liệu nổ, nhà máy sản xuất đạn dược, vật liệu nổ do Bộ Quốc phòng quản lý; Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam; Nghị định số 30/2011/NĐ-CP ngày 05/6/2011 về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự.

(2) Các văn bản liên quan đến công trình quốc phòng và khu quân sự trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng khác: gồm 68 văn bản (47 Luật, 01 Pháp lệnh và 14 Nghị định, quyết định của Thủ tướng Chính phủ

04, Thông tư liên tịch 01, Thông tư của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng 02) (*Phụ lục I kèm theo*). Cụ thể:

(i) Các quy định về công trình quốc phòng và khu quân sự: được quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Quốc phòng năm 2018, Điều 64 Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017. Bên cạnh đó, Luật Quốc phòng còn quy định nguyên tắc, chính sách, hoạt động cơ bản về quốc phòng, lực lượng vũ trang nhân dân, bảo đảm quốc phòng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, tổ chức, quyền và nghĩa vụ của công dân về quốc phòng.

(ii) Các quy định về những hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự: Được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước, Luật An ninh quốc gia, Luật Nhà ở, Luật Cư trú, Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam và Điều 57 Luật Xây dựng.

(iii) Các quy định về quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự: Được quy định tại Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Quản lý sử dụng tài sản công, Luật Xây dựng, Luật Đất đai.

6.2. Đánh giá chung

6.2.1. Ưu điểm

Các văn bản QPPL liên quan đến hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự¹ đã góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung, là cơ sở nền tảng pháp lý cho các hoạt động quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, đã đạt được những kết quả quan trọng; chất lượng công tác quản lý, bảo vệ của các lực lượng được nâng lên, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, duy trì an ninh, trật tự, an toàn xã hội, gắn với củng cố và tăng cường tiềm lực quốc phòng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế, xã hội.

6.2.2. Hạn chế, bất cập chung

Quá trình phát triển kinh tế- xã hội của đất nước đã và đang đặt ra nhiều yêu cầu đòi hỏi cho thấy hệ thống pháp luật cần có sự điều chỉnh sửa đổi, bổ sung bởi việc thực hiện các văn bản có liên quan đến quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự còn hạn chế, bất cập, cụ thể là:

a) Nhiều quy định về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự ở mức văn bản dưới luật (Nghị định, Thông tư) là chưa đảm bảo tính phù hợp, khả thi, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn

- Khoản 2 Điều 14 Hiến pháp 2013 quy định “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần*

¹ Như: Nghị định 04-CP ban hành Quy chế bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, Nghị định 148/2006/NĐ-CP về việc quy hoạch, xây dựng, quản lý và bảo vệ Vành đai an toàn các kho đạn dược, vật liệu nổ, nhà máy sản xuất đạn dược, vật liệu nổ do Bộ Quốc phòng quản lý, Nghị định 30/2011/NĐ-CP về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự...

thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng". Tuy nhiên, việc hạn chế các quyền con người, quyền công dân trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự mới chỉ được quy định tại các văn bản dưới luật²...

Trong hệ thống pháp luật hiện hành chưa có văn bản có giá trị pháp lý cao (như một đạo luật riêng quy định về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự) để tương thích và đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự hiện hành cũng chưa phân định rõ về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự để làm cơ sở pháp lý rõ ràng, cụ thể cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc thực hiện các biện pháp quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự tương ứng, phù hợp, hiệu quả.

- Nội dung quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự là những vấn đề lớn, liên quan trực tiếp đến xây dựng nền quốc phòng, bảo vệ Tổ quốc, cần được cập nhật phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị của đất nước; bên cạnh đó Pháp lệnh bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự năm 1994 đến nay đã bộc lộ nhiều hạn chế, không còn phù hợp (*Báo cáo đề xuất xây dựng Luật*).

b) Quy định về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự còn tản mát trong nhiều văn bản QPPL

Công trình quốc phòng và khu quân sự bao gồm tổng thể các biện pháp từ lập hồ sơ đến thực hiện các hoạt động trực tiếp đối với nhiều loại hình khác nhau. Mặc dù một số văn bản QPPL đã được ban hành; tuy nhiên, các văn bản này chỉ áp dụng cho việc quản lý, bảo vệ cho từng nhóm công trình quốc phòng và khu quân sự cụ thể nên còn tản mát, riêng lẻ, thiếu các quy định có tính nguyên tắc ở tầm luật liên quan đến quản lý, bảo vệ để áp dụng thống nhất.

c) Một số quy định chưa đầy đủ, chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn

- Hệ thống pháp luật chưa hoàn thiện; một số cơ chế, chính sách chưa sát với thực tế, thiếu tính khả thi, chưa đáp ứng được với yêu cầu công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; công tác quy hoạch còn nhiều hạn chế, chưa theo kịp yêu cầu phát triển, tính tổng thể, liên ngành, liên vùng; chưa rõ trọng tâm, trọng điểm, nguồn lực thực hiện; công tác dự báo, cảnh báo mặc dù đã có một số bước tiến, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, có lúc thiếu chính xác, không kịp thời, nhất là giải quyết các vi phạm liên quan đến công trình quốc phòng và khu quân sự khiến công tác quản lý, bảo vệ gặp nhiều khó khăn; hệ thống kết nối công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự giữa các lực lượng chưa đáp ứng được yêu cầu; kết cấu hạ tầng một số công trình công trình quốc phòng và khu quân sự chưa gắn kết chặt chẽ với

² Như: Nghị định số 148/2006/NĐ-CP ngày 04/12/2006 của Chính phủ về việc quy hoạch, xây dựng, quản lý và bảo vệ Vành đai an toàn các kho đạn dược, vật liệu nổ, nhà máy sản xuất đạn dược, vật liệu nổ do Bộ Quốc phòng quản lý; Nghị định số 30/2011/NĐ-CP ngày 05/6/2011 về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự.

công trình, trang bị cần quản lý, bảo vệ; một số địa phương chưa quan tâm công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự hoặc khi xây dựng các công trình về kinh tế, văn hóa, xã hội chưa đáp ứng yêu cầu bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự và sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự khi xảy ra chiến tranh; tổ chức bộ máy, quản lý nhà nước và phân công, phân cấp, phối hợp giữa các bộ, ban, ngành, địa phương chưa thực sự tinh, gọn, hiệu quả; tổ chức thực hiện chưa thực sự chủ động, cương quyết; hiệu quả thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa cao.

- Quy định về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự đã được quan tâm xây dựng, nhưng còn thiếu và chưa thể chế hóa đầy đủ quan điểm mới của Đảng cũng như chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ; nội dung của các quy định về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự chưa đầy đủ, chưa theo kịp sự phát triển của kinh tế-xã hội, chưa đáp ứng được nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong giai đoạn hiện nay khiến việc điều hành, chỉ đạo của cơ quan chức năng gặp khó khăn, lúng túng khi giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

- Quy định cụ thể trong các văn bản pháp luật về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của những tổ chức, cá nhân trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự chưa thực sự rõ ràng, khiến việc thực hiện công tác bảo vệ thường xuyên công trình quốc phòng và khu quân sự gặp khó khăn; việc điều động lực lượng khi triển khai nhiệm vụ tăng cường, đặc biệt khi xảy ra những tình huống có tính chất đặc thù, diễn biến nhanh, đòi hỏi phải huy động lực lượng ứng phó ngay lập tức; quy định về nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của cá nhân, tổ chức cũng chưa đề cao sự chủ động, tích cực của các chủ thể này (ví dụ, trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp như các doanh nghiệp khai thác khoáng sản, du lịch...); các quy định về biện pháp bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự khi có sự xâm phạm trực tiếp cũng chưa đầy đủ.

- Chế định về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự được quy định tại nhiều văn bản QPPL (cả Luật, Nghị định) nhưng chưa đầy đủ (ví dụ, chưa quy định cụ thể các hoạt động cấm; các hoạt động được phép còn chung chung, chưa sát thực tế); có những quy định về còn chồng chéo, trùng lặp hoặc chưa theo kịp sự phát triển của cơ sở hạ tầng, trình độ phát triển của khoa học công nghệ³; các vấn đề mang tính nguyên tắc về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự hiện đang được quy định tại một văn bản là Pháp lệnh chưa bảo đảm tính bao quát, chưa “trùng xứng” với tầm văn bản về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Vì vậy, chưa đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, nhất là trong tình hình hiện nay trong đó nguy cơ có thể xảy ra xung đột khu vực và thế giới, đòi hỏi yêu cầu cao về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự để tăng cường sức mạnh phòng thủ.

- Chính sách và kinh phí bảo đảm của Nhà nước đối với hoạt động quản

³ Nghị định số 148/2006/NĐ-CP và Nghị định số 30/2011/NĐ-CP

lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự cũng chưa được quy định tại một đạo luật riêng để kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, ưu tiên quy hoạch xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự trên các địa bàn chiến lược, quan trọng nhằm củng cố thế trận quốc phòng, bảo đảm khả năng phòng thủ của đất nước.

- Trong thời gian tới, tình hình thế giới, khu vực và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, tiềm ẩn nhiều nguy cơ mất ổn định. Bên cạnh đó, công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa làm gia tăng nhu cầu sử dụng đất đai, mặt nước và khoáng sản sẽ ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự. Tình hình đó đặt ra yêu cầu ngày càng cao và phức tạp hơn cho công tác quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, đòi hỏi phải hoàn thiện đầy đủ cơ sở pháp lý để có thể chủ động phòng, chống, ứng phó hiệu quả với các mối đe dọa, bảo đảm an ninh, an toàn cho đất nước khi có tình huống xảy ra, đáp ứng yêu cầu bảo vệ đất nước trong tình hình mới.

- Nghiên cứu pháp luật của một số nước trên thế giới cho thấy, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự là vấn đề được các nước hết sức coi trọng. Có quốc gia đã ban hành đạo luật riêng để điều chỉnh về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự hoặc các vấn đề liên quan đến quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, như tại Luật Bảo vệ công trình quân sự nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa thể hiện rõ khái niệm, nhiệm vụ, chức năng, nguyên tắc tổ chức, sử dụng lực lượng, công tác chuẩn bị bảo đảm cho các lực lượng tham gia nhiệm vụ quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự...

II. KẾT QUẢ RÀ SOÁT CỤ THỂ

1. Về phân loại, phân nhóm; xác định phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

a) Quy định pháp luật

- Luật Đầu tư công năm 2019

Điều 6. Phân loại dự án đầu tư công

1. Căn cứ vào tính chất, dự án đầu tư công được phân loại như sau:

a) Dự án có cấu phần xây dựng là dự án đầu tư: xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp, mở rộng dự án đã đầu tư xây dựng, bao gồm cả phần mua tài sản, mua trang thiết bị của dự án;

b) Dự án không có cấu phần xây dựng là dự án mua tài sản, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua, sửa chữa, nâng cấp trang thiết bị, máy móc và dự án khác không quy định tại điểm a khoản này.

2. Căn cứ mức độ quan trọng và quy mô, dự án đầu tư công được phân loại thành dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B và dự án nhóm C theo tiêu chí quy định tại các điều 7, 8, 9 và 10 của Luật này.

Điều 7. Tiêu chí phân loại dự án quan trọng quốc gia

Dự án quan trọng quốc gia là dự án đầu tư độc lập hoặc cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau thuộc một trong các tiêu chí dưới đây:

3. Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 héc ta trở lên; 4. Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác; 5. Dự án đòi hỏi phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định”.

Điều 8. Tiêu chí phân loại dự án nhóm A

Trừ dự án quan trọng quốc gia quy định tại Điều 7 của Luật này, dự án thuộc một trong các tiêu chí sau đây là dự án nhóm A:

Dự án không phân biệt tổng mức đầu tư thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Dự án thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh có mức độ tuyệt mật.

- Luật Xây dựng

Điều 5. Loại và cấp công trình xây dựng

1. Công trình xây dựng được phân theo loại và cấp công trình.

2. Loại công trình được xác định theo công năng sử dụng gồm công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình quốc phòng, an ninh.

3. Cấp công trình được xác định theo từng loại công trình căn cứ vào quy mô, mục đích, tầm quan trọng, thời hạn sử dụng, vật liệu sử dụng và yêu cầu kỹ thuật xây dựng công trình.

Cấp công trình gồm cấp đặc biệt, cấp I, cấp II, cấp III, cấp IV và các cấp khác theo quy định của Chính phủ.

Điều 44. Cấm mốc giới xây dựng ngoài thực địa

1. Việc cấm mốc giới xây dựng ngoài thực địa được thực hiện đối với đồ án quy hoạch chung xây dựng, quy hoạch phân khu xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng.

2. Cấm mốc giới theo quy hoạch xây dựng được duyệt gồm chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng, ranh giới vùng cấm xây dựng theo hồ sơ mốc giới được phê duyệt.

3. Sau khi đồ án quy hoạch xây dựng được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm sau:

a) Tổ chức lập và phê duyệt hồ sơ cấm mốc giới theo quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt. Thời gian lập và phê duyệt hồ sơ mốc giới không quá 30 ngày, kể từ ngày đồ án quy hoạch xây dựng được phê duyệt. Việc cấm mốc giới

ngoài thực địa phải được hoàn thành trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hồ sơ mốc giới được phê duyệt;

b) Tổ chức triển khai cắm mốc giới ngoài thực địa đối với đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng sau khi đã có nhà đầu tư được lựa chọn.

4. Trách nhiệm tổ chức, thực hiện cắm mốc giới được quy định như sau:

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cắm mốc giới xây dựng đối với đồ án quy hoạch xây dựng thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý;

b) Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức thực hiện cắm mốc giới xây dựng đối với đồ án quy hoạch xây dựng thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện cắm mốc giới xây dựng đối với đồ án quy hoạch xây dựng thuộc phạm vi địa giới hành chính do mình quản lý.

5. Hồ sơ cắm mốc giới do các đơn vị chuyên môn thực hiện.

6. Mốc giới phải bảo đảm độ bền vững, có kích thước theo tiêu chuẩn và được ghi các chỉ số theo quy định, dễ nhận biết, an toàn cho người, phương tiện giao thông qua lại và phù hợp với địa hình, địa mạo khu vực cắm mốc.

7. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm bảo vệ mốc giới thực địa.

8. Cơ quan quản lý quy hoạch xây dựng lưu giữ hồ sơ cắm mốc giới đã được phê duyệt và có trách nhiệm cung cấp tài liệu liên quan đến mốc giới cho tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

9. Khi quy hoạch xây dựng được điều chỉnh thì thực hiện điều chỉnh mốc giới theo quy hoạch điều chỉnh.

10. Người nào có hành vi cắm mốc chỉ giới, cốt xây dựng sai vị trí, di dời, phá hoại mốc chỉ giới, cốt xây dựng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 49. Phân loại dự án đầu tư xây dựng

Dự án đầu tư xây dựng được phân loại theo quy mô, mức độ quan trọng; công năng phục vụ, tính chất chuyên ngành của công trình và mục đích quản lý; nguồn vốn sử dụng và hình thức đầu tư. Căn cứ quy mô, mức độ quan trọng, dự án đầu tư xây dựng được phân loại thành dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A, dự án nhóm B, dự án nhóm C theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công. Căn cứ công năng phục vụ, tính chất chuyên ngành của công trình và mục đích quản lý, dự án đầu tư xây dựng được phân loại thành các dự án sau: Dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng; Dự án đầu tư xây dựng công trình công nghiệp; Dự án đầu tư xây dựng công trình quốc phòng, an ninh;

- Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự số 32-L/CTN ngày 19/5/1994

Điều 10. Việc cư trú, sản xuất, kinh doanh, ra vào, đi lại, quay phim, chụp ảnh và mọi hoạt động khác trong khu vực cấm, khu vực bảo vệ và vành đai an toàn của công trình quốc phòng và khu quân sự phải tuân theo Quy chế của Chính phủ về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

- Nghị định số 04/CP ngày 16/01/1995 của Chính phủ ban hành Quy chế bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

Điều 2. Căn cứ vào tính chất, mục đích sử dụng, công trình quốc phòng và khu quân sự được phân ra bốn loại:

1. Loại 1: Các công trình quốc phòng và khu quân sự đặc biệt quan trọng thể hiện nhiệm vụ chiến lược quốc phòng hoặc có tính chất quyết định trong việc bảo vệ và phát huy hiệu quả cao trong chiến đấu.

2. Loại 2: Các công trình quốc phòng và khu quân sự quan trọng để phòng thủ biên giới, vùng trời, vùng biển, hải đảo.

3. Loại 3: Các công trình quốc phòng và khu quân sự phục vụ nhiệm vụ tác chiến, huấn luyện, diễn tập, thí nghiệm, nghiên cứu khoa học của các đơn vị lực lượng vũ trang.

4. Loại 4: Các công trình thuộc lĩnh vực quốc phòng nhưng mang tính chất phổ thông; các công trình phục vụ cho việc sơ tán, phòng tránh; các thành cổ, pháo đài cổ, hầm, hào, lô cốt cũ hiện thời chưa sử dụng nhưng vẫn được quản lý, bảo vệ để đưa vào sử dụng khi có nhu cầu.

- Thông tư số 28/2021/TT-BQP ngày 01/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành Quy chế quản lý đầu tư và điều hành, sử dụng hệ thống trường bắn, thao trường huấn luyện

Điều 6. Phân loại, phân cấp quản lý hệ thống thao trường bắn.

Điều 7. Phân loại, phân cấp quản lý hệ thống thao trường huấn luyện.

Điều 8. Phân nhóm trường bắn, thao trường huấn luyện.

- Thông tư số 174/2021/TT-BQP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số nội dung tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng; thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng trong Bộ Quốc phòng

Điều 4. Phân loại, phân cấp, phân nhóm công trình

Phân loại, phân cấp, phân nhóm công trình theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 06/2021/NĐ-CP phục vụ quốc phòng, thực hiện như sau:

1. Phân loại công trình phục vụ quốc phòng

Công trình phục vụ quốc phòng là công trình có kết cấu dạng nhà hoặc dạng kết cấu khác (có thể là một công trình độc lập hoặc một tổ hợp các công trình) phục vụ cho mục đích quốc phòng, bao gồm:

a) Công trình chiến đấu là công trình quốc phòng trực tiếp phục vụ

nhiệm vụ chiến đấu, nhiệm vụ phòng thủ biên giới, đất liền, vùng trời, vùng biển, hải đảo để bảo vệ Tổ quốc, được xây dựng riêng biệt hoặc cấu trúc thành các trận địa, các chốt, các điểm tựa, cụm điểm tựa, các căn cứ, khu vực phòng thủ, sở chỉ huy các cấp, khu vực căn cứ chiến lược. Chi tiết phân loại công trình chiến đấu thực hiện theo quy định tại Điều 4 Quy chế xây dựng công trình chiến đấu;

b) Công trình trường bắn, thao trường huấn luyện là công trình được đầu tư nhằm phục vụ nhiệm vụ huấn luyện, sẵn sàng chiến đấu của Quân đội và dân quân tự vệ do Nhà nước giao Bộ Quốc phòng quản lý, sử dụng. Chi tiết phân loại công trình trường bắn, thao trường huấn luyện thực hiện theo quy định tại Điều 6, 7 Quy chế quản lý đầu tư và điều hành, sử dụng hệ thống trường bắn, thao trường huấn luyện ban hành kèm theo Thông tư số 28/2021/TT-BQP ngày 01/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng (sau đây viết gọn là Quy chế quản lý đầu tư và điều hành, sử dụng hệ thống trường bắn, thao trường huấn luyện);

c) Công trình phổ thông là một công trình độc lập hoặc một tổ hợp các công trình có dạng công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn mang tính chất phổ thông phục vụ cho mục đích làm việc, học tập, sinh hoạt, huấn luyện, sản xuất, rèn luyện và các nhiệm vụ khác của bộ đội không bao gồm các nhiệm vụ quy định tại điểm a, điểm b khoản này. Chi tiết phân loại công trình phổ thông quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

2. Phân cấp, phân nhóm công trình phục vụ quốc phòng được sử dụng trong quản lý các hoạt động đầu tư xây dựng trong Bộ Quốc phòng, cụ thể như sau:

a) Nhóm công trình chiến đấu được xác định theo quy định tại Điều 5 Quy chế xây dựng công trình chiến đấu;

b) Nhóm công trình trường bắn, thao trường huấn luyện được xác định theo quy định tại Điều 8 Quy chế quản lý đầu tư và điều hành, sử dụng hệ thống trường bắn, thao trường huấn luyện;

c) Cấp công trình phổ thông, được xác định theo hướng dẫn tại Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng (sau đây viết gọn là Thông tư số 06/2021/TT-BXD) và Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

- Nghị định số: 30/2011/NĐ-CP, ngày 06/5/2011 quy định về quản và bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự

Điều 5. Quy định hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự

Hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự phụ thuộc vào tính năng kỹ thuật của anten, quy định cụ thể như sau:

1. Đối với hệ thống anten thông tin liên lạc (trung tâm phát, trung tâm thu vô tuyến điện, thông tin vệ tinh), hành lang an toàn kỹ thuật là 2.000 mét, được tính từ mép ngoài bãi anten quân sự trở ra. 2. Đối với hệ thống anten trinh sát kỹ thuật (anten định hướng, anten thu sóng ngắn và anten thu vệ tinh), hành lang an toàn kỹ thuật là 3.000 mét, được tính từ mép ngoài bãi anten quân sự trở ra. 3. Đối với hệ thống anten ra đa và tác chiến điện tử, hành lang an toàn kỹ thuật là 5.000 mét, được tính từ mép ngoài bãi anten quân sự trở ra. 4. Khoảng cách tối thiểu của các chướng ngại vật nằm trong hành lang an toàn kỹ thuật đến mép ngoài bãi anten quân sự, được quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 7. Bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự

1. Đơn vị quản lý hệ thống anten có trách nhiệm trực tiếp bảo vệ hệ thống anten và khu quân sự do mình quản lý. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh có trách nhiệm phối hợp với đơn vị quản lý hệ thống anten quân sự trong bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự thuộc địa phương mình;

2. Nghiêm cấm xây dựng nhà ở, các công trình kinh tế dân sinh vi phạm các quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định này;

3. Trong phạm vi cách mép ngoài bãi anten quân sự 500 mét, cấm những hoạt động sau: a) Thăm dò, khai thác tài nguyên khoáng sản; b) Sản xuất, nổ mìn; c) Tham quan, du lịch, quay phim, chụp ảnh, các hoạt động tập thể (trừ các hoạt động phòng, chống cháy, nổ, cứu hộ, cứu nạn);

4. Trong hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự, được phép: a) Xây dựng công trình chống sét, phòng chống cháy, nổ, bảo đảm cho hoạt động của hệ thống anten quân sự theo yêu cầu kỹ thuật; b) Canh tác nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp; c) Xây dựng các công trình thủy nông quy mô vừa và nhỏ, đê kè phòng chống lụt bão không vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều 5 Nghị định này.

5. Việc sử dụng hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự vào mục đích khác ngoài quy định Khoản 3, 4 Điều này phải được phép của Thủ tướng Chính phủ.

6. Mọi tổ chức, cá nhân có trách nhiệm phối hợp với chỉ huy đơn vị quản lý hệ thống anten quân sự để tổ chức ngăn chặn, xử lý kịp thời khi có nguy cơ hoặc xảy ra sự cố cháy, nổ tại khu vực hành lang an toàn kỹ thuật; báo cáo cho chính quyền địa phương hoặc cơ quan chức năng có thẩm quyền để xử lý vi phạm đối với các hành vi vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự.

- Nghị định số 148/2006/NĐ-CP ngày 04/12/2006 của Chính phủ quy định về quy hoạch, xây dựng, quản lý và bảo vệ vành đai an toàn các kho đạn dược, vật liệu nổ, nhà máy sản xuất đạn dược, vật liệu nổ do Bộ Quốc phòng quản lý

Điều 6. Bán kính an toàn của các kho đạn dược

Bán kính an toàn của các kho đạn dược phụ thuộc vào đương lượng nổ của từng kho, tính chất của nền đất và công trình, các chương ngại vật ngăn cách giữa kho đạn dược với người và các công trình, quy định cụ thể như sau:

1. Đối với kho cấp Bộ Quốc phòng và kho cấp quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, vùng hải quân và tương đương: từ 1.200 mét đến 1.500 mét;

2. Đối với kho cấp sư đoàn, kho cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tương đương: từ 800 mét đến 1.000 mét;

3. Đối với các kho cấp lữ đoàn, trung đoàn, huyện, thị, nhà máy sản xuất đạn dược, vật liệu nổ và tương đương do Bộ Quốc phòng quy định;

4. Trường hợp xung quanh sát hàng rào khu vực các nhà kho thuộc kho đạn dược có đồi núi che chắn, nếu lấy đỉnh núi thấp nhất kéo một đường thẳng tới chân tường của nhà kho xa nhất tạo với mặt bằng nền nhà kho một góc lớn hơn 45° thì các khoảng cách quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này được phép giảm 50%.

b) Đánh giá

- Về việc phân loại, phân nhóm công trình quốc phòng và khu quân sự

Luật Đầu tư công năm 2018, Luật Xây dựng đã quy định việc phân loại, phân nhóm đối với các dự án đầu tư, công trình xây dựng phổ thông nhưng chưa đề cập đến việc phân loại, phân nhóm công trình quốc phòng và khu quân sự. Tuy nhiên, Nghị định số 04/CP và Thông tư số 175/2013/TT-BQP đã quy định về phân loại, phân nhóm công trình quốc phòng và khu quân sự; tuy nhiên, việc phân loại, phân nhóm công trình quốc phòng và khu quân sự tại Thông tư số 175/2013/TT-BQP so với Nghị định số 04/CP tạo nên cách hiểu không thống nhất khi xác định phạm vi bảo vệ, thẩm quyền quản lý, bảo vệ.

- Về việc xác định phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

Pháp lệnh 32-L/CTN chưa quy định rõ về phạm vi bảo vệ của công trình quốc phòng và khu quân sự, chỉ quy định tùy theo tính chất của công trình quốc phòng và khu quân sự mà cấp có thẩm quyền xác định có khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn, vành đai an toàn kho đạn dược, hành lang an toàn kỹ thuật hệ thống anten quân sự. Các nội dung trên được quy định tại nhiều văn bản dưới luật khác nhau như Nghị định số 148/2006/NĐ-CP, Nghị định số 30/2011/NĐ-CP, Nghị định số 32/2016/NĐ-CP, do đó, chưa phù hợp với khoản 2 Điều 14 của Hiến pháp: "*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội...*".

Một số văn bản QPPL hiện hành có quy định về hành lang bảo vệ công trình chuyên ngành: *Phạm vi bảo vệ đê điều bao gồm đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê, công trình phụ trợ và hành lang bảo vệ đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê.*

Hành lang bảo vệ đê đối với đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và cấp III ở những vị trí đê đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch được tính từ chân đê trở ra 5 mét về phía sông và phía đồng; hành lang bảo vệ đê đối với các vị trí khác được tính từ chân đê trở ra 25 mét về phía đồng, 20 mét về phía sông đối với đê sông, đê cửa sông và 200 mét về phía biển đối với đê biển; Hành lang bảo vệ đê đối với đê cấp IV, cấp V do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhưng không được nhỏ hơn 5 mét tính từ chân đê trở ra về phía sông và phía đồng (Điều 23 Luật Đê điều). Hành lang an toàn lưới điện cao áp là khoảng không gian giới hạn dọc theo đường dây tải điện hoặc bao quanh trạm điện và được quy định cụ thể theo từng cấp điện áp. Hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp bao gồm: Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không; hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm; hành lang bảo vệ an toàn trạm điện (Điều 50 Luật Điện lực);...

Khi thực hiện các biện pháp cần thiết trong phạm vi bảo vệ có thể hạn chế một số quyền con người, do vậy cần phải quy định tại một luật riêng về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; quy định thống nhất căn cứ xác định phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

c) Đề xuất

Xây dựng Luật theo hướng quy định cụ thể hơn việc phân loại, phân nhóm đối với công trình quốc phòng và khu quân sự, quy định những nguyên tắc cơ bản để làm cơ sở xác định phạm vi bảo vệ phù hợp với từng loại, nhóm, đáp ứng với yêu cầu quản lý, bảo vệ và bảo đảm những nội dung liên quan đến hạn chế quyền con người, quyền công dân được quy định trong dự thảo Luật.

2. Về quản lý đối với khu vực cấm, khu vực bảo vệ liên quan trực tiếp đến quyền con người, quyền công dân cần quy định cụ thể trong Luật theo yêu cầu của Hiến pháp

a) Quy định pháp luật

- Tại các điều Hiến pháp năm 2013

Khoản 2 Điều 14. *Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng.*

Điều 46. *Công dân có nghĩa vụ tuân theo Hiến pháp và pháp luật; tham gia bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội và chấp hành những quy tắc sinh hoạt công cộng.*

Điều 48. *Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; được bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng theo pháp luật Việt Nam.*

- Luật Quốc phòng năm 2018

Khoản 4 Điều 3 Nguyên tắc hoạt động quốc phòng “*Kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng*”; khoản 5 Điều 38: “*Ủy*

ban nhân dân các cấp chủ trì hoặc phối hợp xây dựng, quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự, khu kinh tế - quốc phòng trên địa bàn”.

Khoản 7 Điều 4. “Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng; có chính sách đặc thù ở khu vực biên giới, hải đảo, vùng chiến lược, trọng điểm, địa bàn xung yếu về quốc phòng.”

- Luật Bảo vệ bí mật Nhà nước năm 2018

Điểm c khoản 2 Điều 7 Phạm vi bí mật nhà nước: “Công trình, mục tiêu về quốc phòng, an ninh, cơ yếu; các loại vũ khí, khí tài, phương tiện quyết định khả năng phòng thủ đất nước, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; sản phẩm mật mã của cơ yếu;”

Luật An ninh quốc gia, khoản 8 Điều 3 “Mục tiêu quan trọng về an ninh quốc gia là những đối tượng, địa điểm, công trình, cơ sở về chính trị, an ninh, quốc phòng, kinh tế, khoa học - kỹ thuật, văn hoá, xã hội thuộc danh mục cần được bảo vệ do pháp luật quy định.”

- Luật Quy hoạch năm 2017

Điều 21. Yêu cầu về nội dung quy hoạch “3. Bảo đảm sự liên kết, tính đồng bộ và hệ thống giữa các ngành và các vùng trong cả nước, giữa các địa phương trong vùng và khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của từng vùng, từng địa phương gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh. 4. Bảo đảm sự cân bằng giữa các yếu tố kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường trong quá trình lập quy hoạch”.

Điểm b khoản 2 Điều 22. Nội dung quy hoạch tổng thể quốc gia: “Xác định các vùng cấm khai thác, các vùng khai thác có điều kiện, khu vực khuyến khích phát triển, khu vực cần bảo vệ đặc biệt cho mục đích quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và bảo tồn hệ sinh thái trong vùng đất ven biển, các đảo, quần đảo, vùng biển, vùng trời thuộc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia của Việt Nam”.

- Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung năm 2020

Điều 12 và khoản 6 Điều 57 Các hành vi bị nghiêm cấm: “Xây dựng công trình trong khu vực cấm xây dựng; xây dựng công trình lấn chiếm hành lang bảo vệ công trình quốc phòng, an ninh...”.

Điều 129, Xây dựng công trình bí mật nhà nước: “1. Công trình bí mật nhà nước được xây dựng theo yêu cầu phải bảo đảm bí mật trong các hoạt động đầu tư xây dựng thuộc các lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại, kinh tế, khoa học, công nghệ và các lĩnh vực khác; 2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được giao quản lý, thực hiện xây dựng công trình bí mật nhà nước có quyền quyết định và chịu trách nhiệm về việc thực hiện và tổ chức thực hiện xây dựng các công trình từ giai đoạn lập dự án, khảo sát, thiết kế, thi công, giám sát thi

công xây dựng công trình đến giai đoạn nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng”.

Điểm b khoản 1 Điều 93 “Điều kiện chung cấp giấy phép xây dựng đối với nhà ở riêng lẻ tại đô thị gồm: Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.”

- Luật Cư trú năm 2020

Khoản 1 Điều 23 “Chỗ ở nằm trong địa điểm cấm, khu vực cấm xây dựng hoặc lấn, chiếm hành lang bảo vệ quốc phòng, an ninh, giao thông, thủy lợi, đê điều, năng lượng, mốc giới bảo vệ công trình hạ tầng kỹ thuật, di tích lịch sử - văn hóa đã được xếp hạng, khu vực đã được cảnh báo về nguy cơ lở đất, lũ quét, lũ ống và khu vực bảo vệ công trình khác theo quy định của pháp luật”.

- Luật Nhập cảnh, xuất cảnh năm 2014

Khoản 2 Điều 34 Tạm trú tại khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế cửa khẩu, khu kinh tế ven biển, khu vực biên giới và đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt: “Người nước ngoài không được tạm trú tại khu vực cấm, khu vực tạm dừng các hoạt động trong khu vực biên giới đất liền; vùng cấm, khu vực hạn chế hoạt động trong khu vực biên giới biển.”

- Luật Nhà ở năm 2014

Khoản 4 Điều 92 Các trường hợp nhà ở phải phá dỡ “Nhà ở xây dựng trong khu vực cấm xây dựng hoặc xây dựng trên đất không phải là đất ở theo quy hoạch đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt”.

- Luật Đê điều năm 2020

Điều 23. Phạm vi bảo vệ đê điều

1. Phạm vi bảo vệ đê điều bao gồm đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê, công trình phụ trợ và hành lang bảo vệ đê, kè bảo vệ đê, cống qua đê.

2. Hành lang bảo vệ đê điều được quy định như sau

a) Hành lang bảo vệ đê cấp đặc biệt, cấp I, cấp II và cấp III ở những vị trí đê đi qua khu dân cư, khu đô thị và khu du lịch được tính từ chân đê trở ra 5 mét về phía sông và phía đồng; hành lang bảo vệ đê đối với các vị trí khác được tính từ chân đê trở ra 25 mét về phía đồng, 20 mét về phía sông đối với đê sông, đê cửa sông và 200 mét về phía biển đối với đê biển;

b) Hành lang bảo vệ đê đối với đê cấp IV, cấp V do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định nhưng không được nhỏ hơn 5 mét tính từ chân đê trở ra về phía sông và phía đồng.

- Luật Điện lực năm 2022

Điều 50. Hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp

1. Hành lang an toàn lưới điện cao áp là khoảng không gian giới hạn dọc theo đường dây tải điện hoặc bao quanh trạm điện và được quy định cụ thể theo từng cấp điện áp. Hành lang bảo vệ an toàn lưới điện cao áp bao gồm:

- a) Hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không;*
- b) Hành lang bảo vệ an toàn đường cáp điện ngầm;*
- c) Hành lang bảo vệ an toàn trạm điện.*

- Luật Đất đai năm 2013

Điều 94. Bồi thường thiệt hại đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn

Khi Nhà nước xây dựng công trình công cộng, quốc phòng, an ninh có hành lang bảo vệ an toàn mà không thu hồi đất nằm trong phạm vi hành lang an toàn thì người sử dụng đất được bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của Chính phủ.

Điều 171. Quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề

1. Quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề bao gồm quyền về lối đi; cấp, thoát nước; tưới nước, tiêu nước trong canh tác; cấp khí ga; đường dây tải điện, thông tin liên lạc và các nhu cầu cần thiết khác một cách hợp lý trên thửa đất liền kề.

2. Việc xác lập quyền sử dụng hạn chế đối với thửa đất liền kề thực hiện theo quy định của pháp luật dân sự và phải thực hiện đăng ký theo quy định tại Điều 95 của Luật này.

Điều 157. Đất xây dựng các công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn

1. Đất xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn bao gồm đất xây dựng các hệ thống giao thông, thủy lợi, đê điều, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống dẫn điện, dẫn xăng dầu, dẫn khí, thông tin liên lạc và đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn các công trình này.

2. Việc sử dụng đất xây dựng công trình công cộng có hành lang bảo vệ an toàn phải bảo đảm kết hợp khai thác cả phần trên không và trong lòng đất, bố trí kết hợp các loại công trình trên cùng một khu đất nhằm tiết kiệm đất và phải tuân theo các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan về bảo vệ an toàn công trình.

3. Người đang sử dụng đất được pháp luật thừa nhận mà đất đó nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình thì được tiếp tục sử dụng đất theo đúng mục đích đã được xác định và không được gây cản trở cho việc bảo vệ an

toàn công trình. Trường hợp việc sử dụng đất gây ảnh hưởng đến việc bảo vệ an toàn công trình thì chủ công trình và người sử dụng đất phải có biện pháp khắc phục, nếu không khắc phục được thì Nhà nước thu hồi đất và bồi thường theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý công trình có hành lang bảo vệ an toàn có trách nhiệm công bố công khai mốc giới hành lang bảo vệ an toàn công trình, chịu trách nhiệm chính về việc bảo vệ an toàn công trình; trường hợp hành lang bảo vệ an toàn công trình bị lấn, chiếm, sử dụng trái phép thì phải kịp thời báo cáo và yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hành lang bảo vệ an toàn bị lấn, chiếm, sử dụng trái phép để xử lý.

5. Ủy ban nhân dân các cấp nơi có công trình có hành lang bảo vệ an toàn có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức trực tiếp quản lý công trình tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo vệ an toàn công trình; công bố công khai mốc giới sử dụng đất trong hành lang bảo vệ an toàn công trình; kịp thời xử lý những trường hợp lấn, chiếm, sử dụng trái phép hành lang bảo vệ an toàn công trình.

- Luật Tài nguyên nước

Điều 31. Hành lang bảo vệ nguồn nước

2. Tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa tại điểm a khoản 1 Điều này trách nhiệm cắm mốc chỉ giới hành lang bảo vệ nguồn nước theo quy định và bàn giao mốc giới cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có hồ chứa để quản lý, bảo vệ.

- Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự, số 32-L/CTN ngày 19/5/1994

Điều 10. Việc cư trú, sản xuất, kinh doanh, ra vào, đi lại, quay phim, chụp ảnh và mọi hoạt động khác trong khu vực cấm, khu vực bảo vệ và vành đai an toàn của công trình quốc phòng và khu quân sự phải tuân theo Quy chế của Chính phủ về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

- Nghị định số 04/CP ngày 16/01/1995 của Chính phủ ban hành Quy chế bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự

Điều 3. Khu vực cấm, khu vực bảo vệ và vành đai an toàn được xác định căn cứ vào tính chất, mục đích sử dụng của từng công trình quốc phòng và khu quân sự: Khu vực cấm được xác định bằng tường, hàng rào, hào ngăn cách, cột mốc hoặc các ký hiệu, tín hiệu riêng. Chỉ những người có trách nhiệm mới được vào khu vực cấm. Khu vực cấm được tổ chức tuần tra canh gác thường xuyên và là nơi cấm quay phim, chụp ảnh. Khu vực bảo vệ được xác định bằng cột mốc, biển báo hoặc các ký hiệu, tín hiệu riêng. Việc ra vào, đi lại, quay phim chụp ảnh ở khu vực bảo vệ do cấp quản lý công trình cho phép. Vành đai an toàn được xác định bằng văn bản giữa Ủy ban Nhân dân cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân quản lý công trình quốc phòng và khu quân sự. Bộ Quốc phòng lập danh mục và xác định khu vực cấm, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn cho từng loại công trình quốc

phòng và khu quân sự trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 9 “Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Ủy ban Nhân dân các cấp khi xây dựng và xét duyệt quy hoạch thành phố, khu dân cư; kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, nông nghiệp, lâm nghiệp; khai thác tài nguyên khoáng sản; kế hoạch phát triển, xây dựng khu văn hoá, du lịch có liên quan tới công trình quốc phòng và khu quân sự phải có ý kiến của cơ quan quản lý trực tiếp công trình và được cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 16 Quy chế này cho phép. Không được cấp phép xây dựng cho những công trình làm ảnh hưởng hoặc cản trở đến phương án tác chiến của khu vực phòng thủ; có chiều cao lớn hoặc quy mô rộng ảnh hưởng tới tầm, hướng quan sát, tầm hướng bắn của các loại vũ khí, hướng vận động, tấn công của bộ đội, gần các kho chứa vũ khí, chất nổ, nhiên liệu; gây cản trở cho hạ cất cánh máy bay; làm hẹp các luồng lạch hoặc có thể gây nguy hiểm cho tàu xuồng ra vào bến cảng quân sự. Nếu tự ý xây dựng phải phá dỡ và chịu mọi phí tổn. Trường hợp phải di chuyển, thay đổi vị trí công trình quốc phòng và khu quân sự để sử dụng vào mục đích khác do Thủ tướng Chính phủ quyết định. Tổ chức, cá nhân được phép sử dụng vị trí đó phải bồi thường để đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân di chuyển và xây dựng công trình mới thay thế.”

Điều 16. Các tổ chức, cá nhân khi xây dựng công trình kinh tế, dân sinh có ảnh hưởng tới công trình quốc phòng và khu quân sự loại I, II phải được phép của Thủ tướng Chính phủ; loại III, IV phải được sự đồng ý của Bộ Quốc phòng.

Nghị định số 148/2006/NĐ-CP ngày 04/12/2006 của Chính phủ về việc quy hoạch, xây dựng, quản lý và bảo vệ Vành đai an toàn các kho đạn dược, vật liệu nổ, nhà máy sản xuất đạn dược, vật liệu nổ do Bộ Quốc phòng quản lý:

Điều 4. Vành đai an toàn kho là phạm vi vùng bao quanh các nhà kho thuộc kho đạn dược, gồm trên mặt đất và trong lòng đất, nằm giữa giới hạn trong và giới hạn ngoài với khoảng cách bằng bán kính an toàn.

Nghị định số 32/2016/NĐ-CP ngày 06/5/2016 quy định về quản lý độ cao chướng ngại vật hàng không và các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời tại Việt Nam:

Điều 3 Chướng ngại vật hàng không là những vật thể tự nhiên hoặc nhân tạo (cố định hoặc di động) nằm trên mặt đất, mặt nước hoặc công trình nhân tạo có thể ảnh hưởng đến bảo đảm an toàn cho hoạt động bay hoặc hoạt động bình thường của các trận địa quản lý, bảo vệ vùng trời và các đài, trạm vô tuyến điện hàng không.

Nghị định số 30/2011/NĐ-CP ngày 05/6/2011 về quản lý và bảo vệ hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự:

Điều 3. 1. Hệ thống anten quân sự là tổ hợp các trang thiết bị anten được triển khai trong bãi anten, dùng để bức xạ hoặc thu sóng điện từ trong không gian phục vụ cho nhiệm vụ quốc phòng, là công trình quốc phòng và khu quân

sự loại 1; 3. Hành lang an toàn kỹ thuật của hệ thống anten quân sự là khoảng cách từ mép ngoài bãi anten quân sự trở ra vùng xung quanh, gồm trên mặt đất, mặt nước, trên không và trong lòng đất đến giới hạn để bảo đảm tính năng hoạt động bình thường của hệ thống anten quân sự.

Nghị định số 126/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh Bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

Điều 8. Hành lang bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia

1. Hành lang bảo vệ công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia là giới hạn phần trên không, phần mặt đất, mặt nước, dưới mặt đất, dưới mặt nước xung quanh công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; giới hạn được tính bằng đơn vị đo lường là mét tính từ chân công trình: a. Đối với công trình đã được văn bản pháp luật chuyên ngành quy định hành lang bảo vệ, phạm vi đảm bảo an toàn thì giới hạn cụ thể của hành lang bảo vệ là giới hạn phạm vi an toàn, cộng thêm phần gia tăng về độ cao, độ sâu, chiều dài, rộng theo đề nghị của Hội đồng thẩm định. b. Đối với công trình mới xây dựng hoặc chưa được pháp luật quy định về hành lang bảo vệ, phạm vi bảo đảm an toàn thì phạm vi hành lang bảo vệ do Hội đồng thẩm định đề nghị.

2. Thủ tướng Chính phủ quyết định về phạm vi hành lang bảo vệ đối với mỗi công trình trên cơ sở xem xét đề nghị của Hội đồng thẩm định.”

b) Đánh giá

Các văn bản QPPL như Luật Đất đai, Luật Quy hoạch, Luật Xây dựng, Luật Đề điều, Luật Điện lực,... chỉ đề cập đến quản lý khu vực cấm, khu vực bảo vệ thuộc chuyên ngành quản lý. Việc quản lý các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự mới chỉ được quy định tại các văn bản QPPL dưới luật, do đó chưa phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 của Hiến pháp về hạn chế quyền con người.

Về cơ bản, các nội dung quy định tại dự thảo Luật bảo đảm phù hợp, thống nhất và không trái với quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành có liên quan. Trong dự thảo Luật, quy định về quản lý các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự có nội dung hạn chế về quyền của người sử dụng đất tại một số thửa đất liền kề với công trình quốc phòng và khu quân sự; đây là nội dung có tính chất đặc thù nhằm bảo đảm an ninh, an toàn cho công trình quốc phòng và khu quân sự. Quy định này không trái với Hiến pháp năm 2013, phù hợp với Luật Đất đai năm 2013 và đây là nội dung kế thừa quy định tại Pháp lệnh và các Nghị định của Chính phủ đã ban hành.

c) Đề xuất

Quy định tại Luật về quản lý các hoạt động trong phạm vi bảo vệ của công trình quốc phòng và khu quân sự để vừa bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân phù hợp với quy định của Hiến pháp, đồng

thời đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng, khu quân sự.

3. Về chính sách chuyển đổi mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự

a) Quy định pháp luật

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017

Quy định về các hình thức xử lý tài sản công tại Điều 40 như sau:

1. Thu hồi. 2. Điều chuyển. 3. Bán. 4. Sử dụng tài sản công để thanh toán cho nhà đầu tư khi thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao. 5. Thanh lý. 6. Tiêu hủy. 7. Xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại. 8. Hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Điều 42. Điều chuyển tài sản công

1. Tài sản công được điều chuyển trong các trường hợp sau đây:

a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, cơ cấu tổ chức, phân cấp quản lý; b) Từ nơi thừa sang nơi thiếu theo tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công do cơ quan, người có thẩm quyền quy định; c) Việc điều chuyển tài sản mang lại hiệu quả sử dụng cao hơn; d) Cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản nhưng không có nhu cầu sử dụng thường xuyên; đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc điều chuyển tài sản công chỉ được thực hiện giữa các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan.

3. Cơ quan nhà nước có tài sản điều chuyển chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị được tiếp nhận tài sản thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản. Cơ quan, tổ chức, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm thanh toán các chi phí hợp lý có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản. Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản trong trường hợp điều chuyển tài sản công.

Điều 64. Tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân

Tài sản công tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân là tài sản Nhà nước giao cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý, sử dụng phục vụ nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và nhiệm vụ khác do Nhà nước giao, bao gồm: 1. Tài sản đặc biệt: a) Vũ khí, khí tài, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ đặc biệt; phương tiện đặc chủng, phương tiện kỹ thuật nghiệp vụ; b) Đất và công trình gắn liền với đất, bao gồm: công trình chiến đấu, công trình phòng thủ chiến lược; công trình nghiệp vụ an ninh; công trình nghiên cứu, chế tạo, sản xuất, sửa chữa, thử nghiệm vũ khí, khí tài quan trọng và công cụ hỗ trợ đặc biệt. 2. Tài sản chuyên dùng: a) Đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc doanh trại, trụ sở đóng

quân, kho tàng, học viện, trường đào tạo nghiệp vụ quốc phòng, an ninh, trường bắn, thao trường, bãi tập, cơ sở giam giữ của lực lượng vũ trang nhân dân; b) Phương tiện vận tải chuyên dùng quốc phòng, an ninh; c) Công cụ hỗ trợ khác ngoài công cụ hỗ trợ đặc biệt; tài sản khác có cấu tạo đặc biệt phục vụ công tác, chiến đấu của lực lượng vũ trang nhân dân. 3. Tài sản phục vụ công tác quản lý là tài sản sử dụng trong công tác, huấn luyện, nghiệp vụ, học tập của đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân: a) Đất, nhà và tài sản khác gắn liền với đất thuộc nhà trường, trường học viện, trường đào tạo nghiệp vụ quốc phòng, an ninh; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, nhà an dưỡng, nhà điều dưỡng; nhà khách, nhà công vụ; nhà thi đấu, nhà tập luyện thể dục, thể thao và cơ sở khác không thuộc khuôn viên doanh trại, trụ sở đóng quân của lực lượng vũ trang nhân dân;

- Luật Đất đai

Điều 45 Luật Đất đai năm 2013 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 6 Luật số 35/2018/QH14 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, quy định: *“Việc quyết định, phê duyệt quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy hoạch”*.

Điều 59 Thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất: *UBND cấp tỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp sau đây: a) Giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với tổ chức (điểm a khoản 1).*

- Luật Quy hoạch năm 2017

Khoản 2 Điều 34 quy định: *Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;*

Điểm 36 Phụ lục I ban hành kèm theo Luật Quy hoạch năm 2017 quy định *“quy hoạch đất quốc phòng”* là Quy hoạch ngành quốc gia.

- Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công

Điểm a khoản 1 Điều 6 quy định thẩm quyền phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất *“Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà, đất đối với: Nhà, đất tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân thuộc Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quản lý”*.

- Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công

Điều 58. Thu hồi tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng

1. Việc thu hồi tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được thực hiện trong trường hợp đơn vị được giao quản lý, sử dụng tài sản không còn nhu cầu sử dụng hoặc giảm nhu cầu sử dụng do thay đổi chức năng, nhiệm vụ, tổ chức biên chế.

2. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng:

a) Thủ tướng Chính phủ quyết định thu hồi đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng gắn liền với đất (bao gồm cả quyền sử dụng đất); b) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thu hồi đối với tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này.

Điều 59. Điều chuyển tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng

2. *Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng:* a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản đặc biệt giữa Bộ Quốc phòng và Bộ Công an; từ đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sang cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và ngược lại theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan; b) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản chuyên dùng giữa Bộ Quốc phòng và Bộ Công an; từ đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân sang cơ quan, tổ chức, đơn vị không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân và ngược lại theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan; c) Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

b) **Đánh giá**

Tại Luật Quản lý sử dụng tài sản công đã quy định về việc điều chuyển tài sản công, trong đó có công trình quốc phòng và khu quân sự; Luật Đất đai có quy định về chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa quy định cụ thể về chuyển đổi mục đích sử dụng và tính đặc thù của công trình quốc phòng và khu quân sự (đất quốc phòng). Mặt khác, quy định về thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất quốc phòng (khu quân sự) sang mục đích khác theo quy định tại Luật Đất đai còn một số bất cập và chưa đáp ứng với yêu cầu thực tiễn.

Pháp lệnh Bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự chưa quy định nội dung chuyển đổi mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự. Các nội dung trên chỉ được quy định tại Nghị định số 04/CP và Thông tư số 175/2013/TT-BQP.

c) **Đề xuất**

Luật hóa nội dung chuyển đổi mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự, quy định thẩm quyền quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng công trình quốc phòng và khu quân sự.

Đề nghị sửa đổi Luật Đất đai năm 2013 về thẩm quyền quyết định chuyển đổi mục đích sử dụng đất quốc phòng (khu quân sự).

4. Về chính sách đối với cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân tại địa bàn có công trình quốc phòng và khu quân sự.

a) Quy định pháp luật

Tại các điều Hiến pháp

Điều 3. Nhà nước bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện.

Điều 54. Khoản 2. Tổ chức, cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất. Người sử dụng đất được chuyển quyền sử dụng đất, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật. Quyền sử dụng đất được pháp luật bảo hộ.

Khoản 3. Nhà nước thu hồi đất do tổ chức, cá nhân đang sử dụng trong trường hợp thật cần thiết do luật định vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Việc thu hồi đất phải công khai, minh bạch và được bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 48. Người nước ngoài cư trú ở Việt Nam phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật Việt Nam; được bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng theo pháp luật Việt Nam.

b) Đánh giá

Pháp luật về quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự chưa xác định chính sách tương ứng với tính chất, mức độ ảnh hưởng trong quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự khi bị hạn chế hoặc bị ảnh hưởng nhất định đến quyền lợi hợp pháp của các chủ thể có liên quan và sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nhất là các khu vực bị ảnh hưởng lớn bởi công trình quốc phòng và khu quân sự, vùng địa bàn đặc biệt quan trọng về quốc phòng, quân sự chế độ, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và đời sống nhân dân ở các khu vực này; chưa tương xứng với yêu cầu thực thi nhiệm vụ của các cơ quan quản lý nhà nước, phù hợp với khoản 7 Điều 4 Luật Quốc phòng năm 2018 “*Nhà nước có chính sách ưu đãi đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng; có chính sách đặc thù ở khu vực biên giới, hải đảo, vùng chiến lược, trọng điểm, địa bàn xung yếu về quốc phòng.*” Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự chưa được quy định ở Luật mà đang quy định tại Pháp lệnh, Nghị định; Thông tư, Quyết định như: quy định về sản xuất, kinh doanh, xây dựng, ra vào, đi lại, quay phim, chụp ảnh; quy định đối với người nước ngoài hoạt động kinh tế ở khu vực bảo vệ và vành đai an toàn..., do đó, chưa bảo đảm phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 14 Hiến pháp năm 2013.

c) Đề xuất

Quy định tại Luật về quyền và nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cá nhân,

hộ gia đình trong tổ chức sản xuất, kinh doanh, xây dựng, tiếp cận thông tin pháp luật, chính sách về bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; đồng thời, xác định các chính sách hỗ trợ ưu tiên; các chương trình đầu tư để phát triển kinh tế - xã hội đối với địa phương bị hạn chế đầu tư nước ngoài, bị ảnh hưởng lớn về phát triển kinh tế - xã hội do yêu cầu quản lý, bảo vệ đặc biệt nghiêm ngặt của công trình quốc phòng và khu quân sự; chính sách hỗ trợ để đảm bảo an sinh đối với người dân (các chính sách an sinh xã hội, chính sách hỗ trợ về giáo dục; y tế; lao động, việc làm; sản xuất, kinh doanh) bị ảnh hưởng và hạn chế quyền tại địa bàn có công trình quốc phòng và khu quân sự.

III. KIẾN NGHỊ TỔNG THỂ

Xây dựng Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự để bảo đảm phù hợp với Hiến pháp và hệ thống pháp luật hiện hành, đáp ứng yêu cầu quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự; khắc phục những hạn chế, bất cập trong quá trình tổ chức quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự thời gian qua, góp phần hoàn thiện hệ thống pháp luật.

Trên đây là Báo cáo của Bộ Quốc phòng về kết quả rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến dự án Luật Quản lý, bảo vệ công trình quốc phòng và khu quân sự.

(có Phụ lục I và Phụ lục II gửi kèm theo)./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Bộ trưởng BQP (để b/cáo);
- Bộ Tư pháp;
- Ủy ban QP&AN của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- BTTM;
- Cục Tác chiến/BTTM;
- Vụ Pháp chế BQP;
- Lưu: VT, PC. Ph120.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đã ký

Thượng tướng Nguyễn Tân Cương